TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 7 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Nguyễn Huỳnh Anh.

2. Ông Lê Văn Hoằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đoàn Thị Bích D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 242, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Anh Trương Điền G, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 132 ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh G sống chung từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2007. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do thời gian đi làm sống chung trên thành phố

Hồ Chí Minh, anh G không lo tu chí làm ăn để lo cho gia đình mà ngược lại anh G thường xuyên uống rượu về chửi bới, xúc phạm và hành hung chị D gây thương tích, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên từ đầu năm 2018, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai mạnh ai người đó sống. Đến tháng 6/2022, thì anh G đã về quê sinh sống cho đến nay không đoàn tụ được. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nữa nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Trương Điền G.

Về con chung: Quá trình sống chung có 03 con chung tên Trương Ngọc Tr, sinh ngày 10/4/2008, Trương Điền T, sinh ngày 26/9/2009 và Trương Ngọc A, sinh ngày 15/6/2017. Con chung tên Tr hiện nay đang sống chung với chị D tại thành phố Hồ Chí Minh, còn 02 con chung tên T và A thì vợ chồng đang gửi cho mẹ ruột của chị D nuôi dưỡng nhưng chị D gởi tiền về nuôi con, anh G không có gởi tiền để phụ nuôi con. Nay chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03 con chung, Chị D có đủ điều kiện để nuôi con nên chị D không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị D, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

- Bị đơn anh Trương Điền G trình bày tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại biên bản hòa giải như sau:

Về hôn nhân: Anh G và chị D sống chung từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc đến nay không có mâu thuẫn gì lớn. Việc chị D cho rằng anh G không lo cho kinh tế gia đình là không đúng. Mặc dù, anh G đi làm không có đưa tiền cho vợ giữ nhưng anh G đã mua đồ ăn về để nấu cơm cho các con ăn và có mua sắm đồ đạc cho các con, tiền nhà trọ của vợ chồng anh G cũng có hùn một nữa để đóng. Việc chị D cho rằng anh G đánh chị D, thừa nhận trước đây có lần nhậu say vợ chồng cự cãi nhau do không làm chủ được bản thân nên anh G dùng tay đánh chị D nhưng không gây thương tích. Từ đầu năm 2018, mặc dù còn sống chung nhà trọ nhưng không ai quan tâm đến ai, không ăn cơm chung mà mạnh ai người đó sống. Đến tháng 6/2022, anh G đã về quê sinh sống, còn vợ và con chung tên Trương Ngọc Tr còn sống ở Thành phố Hồ Chi Minh còn con chung tên Trương Điền T và Trương Ngọc A thì sống bên nhà cha mẹ vợ. Từ khi vợ chồng sống xa nhau đến nay vợ chồng không tìm cách để hàn gắn được là do chị D không đồng ý về để đoàn tụ với anh G. Nay anh G còn thương vợ mong muốn vợ cùng về quê đoàn tụ với anh G để cùng lo cho các con do đó anh G không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị D. Nếu chị D nhất quyết đòi ly hôn với anh G không đồng ý đoàn tụ thì anh G để cho Tòa án xét xét quyết định chứ anh G không đồng ý ký tên để chị D được ly hôn với anh G và anh G sẽ không đến Tòa án nữa.

Về con chung: Quá trình sống chung có 03 con chung tên Trương Ngọc Tr, sinh ngày 10/4/2008, Trương Điền T, sinh ngày 26/9/2009 và Trương Ngọc A, sinh ngày 15/6/2017. Con chung tên Tr hiện nay đang sống chung với chị D tại Thành phố Hồ Chí Minh, còn 02 con chung tên T và A thì vợ chồng đang gửi

cho mẹ ruột của chị D nuôi dưỡng. Mặc dù, anh G không gởi tiền nuôi con, nhưng anh G làm ở gần nhà cha mẹ vợ nên việc đưa rước con gái nhỏ đi học là anh G đưa rước. Nay nếu trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn theo yêu cầu của chị D thì anh G đồng ý giao cả 03 con chung cho chị D nuôi dưỡng nhưng anh G không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh G thống nhất, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất vợ chồng không có nợ chung nên thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Đoàn Thị Bích D và anh Trương Điền G tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 06/11/2007 trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa chị D và anh G được pháp luật thừa nhận. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cự cãi chuyện trong gia đình, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ đầu năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Anh G cho rằng còn thương vợ mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho các con nên anh G không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị D.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh G không còn, chị D thì kiên quyết xin ly hôn, còn anh G không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm của vợ chồng, cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh G có 03 con chung tên Trương Ngọc T, sinh ngày 10/4/2008, Trương Điền T, sinh ngày 26/9/2009 và Trương Ngọc A, sinh ngày 15/6/2017 hiện đang do chị D nuôi dưỡng. Cháu Tr và cháu T có nguyện vọng được sống với chị D, cháu A còn nhỏ nên để các cháu có điều kiện phát triển tốt nên việc giao cả 03 cháu cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không có yêu cầu Toà án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Bích D được ly hôn với anh Trương Điền G.

Về con chung: Chị Đoàn Thị Bích D được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Trương Ngọc Tr sinh ngày 10/4/2008, Trương Điền T, sinh ngày 26/9/2009 và Trương Ngọc A, sinh ngày 15/6/2017. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đoàn Thị Bích D yêu cầu được ly hôn với anh Trương Điền G và có yêu cầu nuôi con nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Trương Điền G có hộ khẩu tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trương Điền G có đơn xét xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh G.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân*:* Chị Đoàn Thị Bích D và anh Trương Điền G tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyển số 1 vào ngày 06/11/2007 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị D và anh G là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Theo chị D trình bày thì vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cự cãi chuyện trong gia đình, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ đầu năm 2018, mặc dù còn sống chung nhà trọ nhưng vợ chồng đã sống ly thân, không còn ăn cơm chung, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Do đó, chị D nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh G, không đồng ý đoàn tụ. Còn anh G cho rằng mặc dù, anh G đi làm không có đưa tiền cho vợ giữ nhưng anh G đã mua đồ ăn về để nấu cơm cho các con ăn và có mua sắm đồ đạc cho các con, tiền nhà trọ của vợ chồng anh G cũng có hùn một nữa để đóng. Việc chị D cho rằng anh G đánh chị D, thừa nhận trước đây có lần nhậu say vợ chồng cự cãi nhau do không làm chủ được bản thân nên anh G dùng tay đánh chị D nhưng không gây thương tích. Từ khi vợ chồng sống xa nhau đến nay không đoàn tụ được là do chị D không đồng ý về quê đoàn tụ cùng anh G, chứ anh G vẫn còn thương vợ mong muốn được đoàn tụ để cùng lo cho các con do đó anh G không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị D.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh G đã căng thẳng, mâu thuẫn đã kèo dài từ năm 2017 nhưng không khắc phục được. Từ tháng 6/2022, đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người có đó sống, mỗi người sống một nơi, có cuộc sống riêng không ai quan tâm, chia sẽ, yêu thương chăm

sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D nhất quyết đòi ly hôn, anh G không đồng không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Đoàn Thị Bích D và anh Trương Điền G đều thừa nhận anh chị có 03 con chung tên Trương Ngọc Tr, sinh ngày 10/4/2008, Trương Điền T, sinh ngày 26/9/2009 và Trương Ngọc A, sinh ngày 15/6/2017, cháu lớn tên Tr đang sống với chị D tại Thành Phố Hồ Chí Minh còn 02 cháu nhỏ tên T và A thì vợ chồng đang gửi cho cha mẹ của chị D nuôi dưỡng. Chị D khẳng định đủ điều kiện để nuôi con nên chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Còn anh G cho rằng nếu Tòa án giải quyết ly hôn theo như yêu cầu của chị D thì anh G cũng đồng ý giao cả 03 con chung cho chị D nuôi dưỡng. Cháu Tr và cháu T cũng có nguyện vọng được sống với chị D. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 03 cháu tên Trương Ngọc Tr, sinh ngày 10/4/2008, Trương Điền T, sinh ngày 26/9/2009 và Trương Ngọc A, sinh ngày 15/6/2017 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D khẳng định đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu Tòa án xém xét buộc anh G phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị D và anh G thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị D và anh G thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Bích D phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trương Điền G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét lời phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, Điều 6, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Bích D được ly hôn với anh Trương Điền G.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Trương Ngọc Tr, sinh ngày 10/4/2008, Trương Điền T, sinh ngày 26/9/2009 và Trương Ngọc A, sinh ngày 15/6/2017 cho chị Đoàn Thị Bích D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Bích D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị D đã nộp theo biên lai số 0016434 ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị Bích D được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Điền G được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã Đ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; (CNKH 171 ngày 06/11/2007)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Nội